

"HƯƠNG ƯỚC CỔ LÀNG XÃ ĐÔNG BẰNG BẮC BỘ"

NGUYỄN CẢNH MINH*

Làng xã Việt Nam từ trong lịch sử dài lâu, trải qua nhiều biến động thăng trầm của dân tộc đã đóng vai trò rất quan trọng và tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, đã làm hình thành và phát triển những truyền thống tốt đẹp. Với những đặc điểm của mình, làng xã còn là nơi bảo tồn lâu dài nền văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc. Có thể nghĩ rằng, làng xã là cơ sở nền tảng của văn hóa, văn minh Việt Nam.

Không phải là không có cơ sở khi nói rằng "Làng xã Việt Nam là cái chìa khóa để giải mã bí mật Việt Nam, thân kỳ Việt Nam" (1). Vì vậy, nghiên cứu toàn diện, sâu sắc làng xã người Việt để làm rõ quá trình phát triển, những đặc điểm và những đóng góp cụ thể, vai trò, vị trí của nó trong lịch sử Việt Nam là một việc làm rất cần thiết, bổ ích và có nghĩa khoa học, thực tiễn. Cuốn sách *Hương ước cổ làng xã đông bằng Bắc Bộ* của PGS.TS. Vũ Duy Mên ra mắt bạn đọc đã góp phần thiết thực đáp ứng được yêu cầu nói trên. Bởi lẽ, như chúng ta biết, lịch sử của hương ước từ hương ước cổ đến hương ước cải lương và ngày nay là hương ước mới (quy ước làng văn hóa) gắn

liên với lịch sử phát triển của làng xã người Việt, với nội dung phản ánh khá sinh động, rõ nét và phong phú nhiều mặt hoạt động đa dạng của làng xã. Cuốn sách là kết quả nghiên cứu nhiều năm về đề tài hương ước trước năm 2004 và trực tiếp là đề tài cấp Viện của tác giả từ năm 2004, đã được Hội đồng khoa học của Viện Sử học nghiệm thu đánh giá công trình đạt chất lượng cao. Điều đó đã nói lên chất lượng của cuốn sách.

Với tổng số 368 trang sách in khổ 14,5 x 20,5, ngoài phần lời nhà xuất bản, lời giới thiệu của Viện trưởng Viện Sử học, lời mở đầu của tác giả, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung chính cuốn sách gồm có chương 1: "Hương ước Thuật ngữ hình thức văn bản, nguồn gốc và điều kiện xuất hiện" (tr. 19-130); Chương 2: "Nội dung chủ yếu của hương ước" (tr. 131-310); Chương 3: "Ảnh hưởng của Đạo lý nho gia và vai trò của hương ước đối với đời sống cộng đồng làng xã" (tr. 311-354). Thông qua nội dung 3 chương, cuốn sách giúp người đọc hiểu biết khá tường tận về thuật ngữ khoán ước, hương ước, nguồn gốc và nội dung của hương ước, vai trò của hương ước đối với đời

* PGS.TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

sống cộng đồng làng xã, nét văn hóa cổ truyền đặc trưng của làng xã người Việt nội lực duy trì và phát triển làng xã Việt Nam trong lịch sử.

Thực vậy, trong khuôn khổ 112 trang sách của chương 1, tác giả đã giúp cho độc giả hiểu biết nhiều vấn đề quan trọng như xuất xứ thuật ngữ "khoán ước", "hương ước", nội hàm của hai thuật ngữ này; quá trình xuất hiện thuật ngữ "khoán ước" (từ cuối thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XX) và thời gian xuất hiện và tồn tại của thuật ngữ hương ước từ nửa sau thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX" (2).

Từ sau năm 1921, hầu hết các làng xã ở Bắc Bộ đều lập hương ước cải lương. Từ đó theo tác giả cho biết "thế kỷ XX là thế kỷ của hương ước" Chương này còn cho biết những nét chung và sự khác nhau giữa khoán ước và hương ước. Từ việc trình bày xuất xứ, quá trình xuất hiện thuật ngữ khoán ước, hương ước, tác giả rút ra nhận xét lý thú là hai thuật ngữ này "vốn gốc Hán du nhập vào Việt Nam đã được "Việt hóa" Một mặt nó vẫn giữ được bản chất của nội dung thuật ngữ. Mặt khác các thuật ngữ này được hiểu theo cách hiểu thông thường của người nông dân làng xã... những dấu ấn của hương ước trong các làng xã cổ truyền Trung Quốc mang đậm tư tưởng quân chủ rất sâu sắc mờ nhạt mà phần đậm hơn là những quy ước riêng mang tính chất tự quản của các làng xã" (3).

Tiếp theo, tác giả trình bày về hình thức văn bản hương ước bao gồm chất liệu tạo nên hình thức văn bản, chữ viết và các con dấu trên văn bản, kết cấu nội dung, tác giả và niên đại văn bản, nguồn gốc hương ước; những điều kiện xuất hiện hương ước. Bằng những chứng cứ sử liệu xác thực, tác giả đã giúp cho bạn đọc thấy rõ từ lệ làng bất thành văn đến thành văn, hương ước xuất hiện. Đó là kết quả của sự can thiệp ngày càng ráo riết của nhà nước phong

kiến đối với làng xã, đó còn là do quá trình vận động, phát triển nhiều mặt của tự thân các làng xã người Việt. Hai điều kiện đó không thể thiếu để hương ước cổ ra đời trong các làng xã khu vực đồng bằng Bắc Bộ từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX và hương ước cải lương từ sau năm 1921 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong 180 trang sách của chương 2, bao gồm cả các bảng thống kê điển hình các di tích lịch sử văn hóa, tác giả lần lượt trình bày nội dung chủ yếu của hương ước bao gồm những quy ước liên quan đến bộ máy hành chính và các tổ chức xã hội trong làng xã như quy ước về tổ chức hành chính, về tổ chức xã hội. Những quy ước về các hoạt động văn hóa xã hội (các việc trong làng xã) như việc thuế, phu, lính, cheo cưới, việc hiếu, hương ẩm, vị thứ đình trung, việc khao vọng và mừng thọ, đỗ đạt, thành quan, việc tuần phòng, cấm cờ bạc, rượu chè quá chén, yêu đương bất chính, việc ngụ cư, giữ vệ sinh bảo vệ môi trường, mua bán danh vị, giao hiếu kết chạ; Việc thờ thần và tế lễ hàng năm như việc thờ thần thành hoàng, việc thờ hậu, thờ tam giáo và tín ngưỡng nông nghiệp.

Những quy ước liên quan đến sản xuất nông nghiệp và hoạt động của một số phường hội thủ công như quy ước liên quan đến nông nghiệp, quy ước về phường hội thủ công. Quy ước về thưởng, phạt.

Chương này, tác giả dựa vào các tài liệu lịch sử chính xác, các tài liệu Hán Nôm, tài liệu khảo sát thực địa đã phân tích, nội dung các bản hương ước cổ của một số làng xã ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh... giúp cho người đọc hiểu biết khá tường tận, chính xác về những nội dung phong phú của hương ước, có cách nhìn nhận sát thực về một số tổ chức của làng xã cổ truyền như tổ chức Hương giáp trong lịch sử Việt Nam thời trung đại. Cũng từ việc phân tích nội dung các bản hương ước cổ ở làng Mộ Trạch (Hải

Dương), hương ước làng Ngọc Than (Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội)... tác giả cho người đọc biết được chức năng, hoạt động của tổ chức giáp trong các loại làng khác nhau như giáp ở một số làng khoa bảng, ở làng thuần nông vùng Bắc Bộ. Từ khảo cứu công phu hương ước, tác giả rút ra nhận xét có cơ sở tài liệu thuyết phục rằng "Giáp là một tổ chức quần chúng tự nguyện nơi làng xã. Giáp xuất hiện vào khoảng thời gian cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI và tồn tại ở các thế kỷ sau đó cho đến trước hoặc sau năm 1945 thì giáp cùng với cơ cấu tổ chức làng xã cổ truyền bị giải thể" (4). Dựa vào nội dung văn bia chùa và khoán ước của nhiều làng xã, cuốn sách cho thấy cách đặt tên cho đơn vị giáp thường theo phương hướng (đông, tây, nam, bắc, thượng, trung, hạ) hoặc theo số thứ tự (nhất, nhị, tam...) hoặc theo địa danh, theo tên chữ (Phúc Thọ, An Bình...), cũng có khi được đặt tên theo sự kết hợp giữa phương hướng với số thứ tự, có một số làng xã đặt tên giáp theo can chi (giáp Ất, giáp Bính...).

Tác giả có đủ cơ sở trên cơ sở phân tích nội dung khá nhiều bản hương ước cổ của một số địa phương khi nhận định "nội dung của hương ước đã đề cập tới cơ cấu tổ chức hành chính bộ máy quản lý làng xã (các chức dịch - lý dịch) mà đứng đầu là viên xã trưởng, lý trưởng và các loại hình tổ chức xã hội như xóm, tộc (họ), giáp (phe), hội tư văn, hội tư võ, giáo phường phường bát âm trong nhiều làng xã. Các loại hình tổ chức đó đều giống nhau về nguyên tắc tổ chức và một số chức năng hoạt động. Song trong thực tế hoạt động của các tổ chức xã hội đã diễn ra hết sức sinh động, chức năng được mở rộng và thậm chí những nhiệm vụ khác biệt. Nội dung các hương ước còn phản ánh các hoạt động văn hóa xã hội của các tổ chức trên rất phong phú, biểu hiện ở những quy ước về các việc trong làng xã..." (5).

Chương 3 với 44 trang, từ phân tích nội dung các bản hương ước làng Phú Vân (Yên Thành, Nghệ An), hương ước xã Phù Lưu Thượng (huyện Can Lộc, Hà Tĩnh), khoán lệ thôn Trà Lôi (Yên Mỹ, Hưng Yên), hương ước xã Quang Hiến (Yên Mô, Ninh Bình), hương ước xã Hòa Tranh (Ứng Hòa, Hà Nội), hương ước xã Như Áng (huyện Ngọc Sơn, Thanh Hóa)... tác giả cho người đọc thấy rõ giáp lý kinh điển Nho giáo đã trở thành nền tảng giáo lý để các nhà Nho Việt Nam xây dựng nên các bản hương ước. Đạo lý Nho gia đã ảnh hưởng sâu sắc đến nội dung hương ước làng xã Việt Nam.

Chương này cũng từ phân tích các điều luật của nhiều bản hương ước đã làm rõ những mặt ích cực của hương ước - "bộ luật riêng của làng xã, mà nét tiêu biểu là lưu giữ được những truyền thống tốt đẹp đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân các làng xã, cố kết cộng đồng thêm bền vững"

Chương này cũng nêu lên những mặt hạn chế của hương ước như bảo lưu những cổ tục về lễ thói xấu như trọng nam khinh nữ, phân biệt dân ngụ cư, chính cư, đề cao tính địa phương chủ nghĩa, tâm lý làng xã đố kỵ, ghen ghét, cản trở sự tiến bộ và làm phương hại tới quyền lợi chung, ảnh hưởng đến luật pháp nhà nước.

Cũng cần nêu lên thêm một ưu điểm nữa của cuốn "Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ" là tác giả hoàn thành tác phẩm của mình trên cơ sở nhiều nguồn sử liệu phong phú, đa dạng, có độ tin cậy, nhất là nguồn tài liệu hương ước cổ của nhiều địa phương đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ và tài liệu khảo sát thực địa, việc ghi xuất xứ các nguồn tài liệu trích dẫn rất đầy đủ, chính xác. Trên đây là những giá trị và ưu điểm chính của cuốn sách. Với những ưu điểm nổi bật đó, cuốn sách *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ* thực

sự rất bổ ích và cần thiết cho các nhà khoa học, sinh viên, học viên cao học quan tâm đến đề tài hương ước và làng xã Việt Nam trong lịch sử.

Theo tôi, cuốn sách nêu lưu ý một vài khiếm khuyết nhỏ sau đây:

Với tựa đề hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ thì nên khai thác nhiều hơn các hương ước cổ của các địa phương rải khắp các làng xã ở khu vực này, thay vì đề cập đến cả các hương ước cổ các địa phương miền Trung như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Trong một số trang trình bày còn trùng lặp ý. Ví dụ các trang 332, 342, 340 đều viết về ưu điểm, mặt tích cực của hương

ước là "có tác dụng cố kết cộng đồng thêm bền vững" (tr. 332), "nét tiêu biểu là truyền thống đoàn kết..." (tr. 342), "nêu cao tinh thần đoàn kết" (tr. 346), hoặc khi trình bày mặt tích cực của hương ước ở trang 340 lại trình bày cả mặt hạn chế. Mục 2 ở trang 347 cũng trình bày mặt hạn chế của hương ước. Nên chăng, khi phân tích những mặt tích cực và hạn chế của hương ước cổ, tác giả liên hệ đôi nét những nội dung cần được kế thừa hay lưu ý khắc phục khi xây dựng hương ước mới ngày nay ở các địa phương?

Tôi rất mong trong một thời gian tới không xa sẽ được đọc tác phẩm hương ước cổ vùng Trung Bộ, Nam Bộ và hương ước cải lương của tác giả Vũ Duy Mền.

CHÚ THÍCH

(1). Trích từ sách Nguyễn Quang Ngọc. *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2009, tr. 9.

(2), (3), (4), (5). Vũ Duy Mền. *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 38, 36-41, 176, 208-208.

VỀ NƠI SINH CỦA THIÊN SƯ TỪ ĐẠO HẠNH

(Tiếp theo trang 60)

(21). Không biết vì lý do nào, hội chùa Thiên Sư làng Đồng Bụt đã được nhân dân quanh vùng gọi là hội Sếp. Ngày nay, nhiều làng xã quanh làng Đồng Bụt cũng được gọi với tên Sếp.

(22). Ông Đặng Bằng cán bộ sở Văn hóa Thông tin tỉnh Hà Tây (cũ) trong quá trình nghiên cứu đã nêu ra ý kiến như vậy. Ý kiến này, chúng tôi cũng được linh hội trong quá trình khảo sát tại địa phương, nhờ các cụ đã từng tham gia lễ mặc dù mô tả lại: tượng Đức thánh Từ Đạo Hạnh được đặt trong khám, hình hài còn nhỏ, thế ngồi khoan khoái. Trong khi đó, tại chùa Thầy, ngoài tượng thờ Đức thánh đã đác đạo, còn phối thờ cả vua Lý Thần Tông.

(23). Nguyên văn chữ Hán: 聖文僧官都察徐姓大禪師住持上奉.

(24). Lý Tế Xuyên: *Việt điện u linh*. Sđd, tr. 140, xem thêm Vũ Quỳnh, Kiều Phú: *Lĩnh Nam chích quái*. Sđd, tr. 77.

(25). Trong *Thiên uyển tập anh* của Lê Mạnh Thát cũng dẫn ra ý kiến rằng: "Một thuyết nói rằng Đạo Hạnh là người thôn Đồng Bụt, huyện Yên Sơn, cha là Từ Vinh, mẹ là Tăng Thị Loan. Nay tương truyền ở Đồng Bụt có nền cũ nhà họ Từ, trước chùa có 70 mẫu ruộng là ruộng họ Từ, nay đem làm tự điền cho thôn ấy", xem Lê Mạnh Thát, tư liệu đã dẫn, tr. 117.